



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG**

*Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang là doanh nghiệp TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyên Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 09 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 9.000.000.000 VND (Chín tỷ đồng)

Tên đại diện Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Trụ sở hoạt động: Số 117, đường Lê Lợi, Tổ 10, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200 (chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Tổ chức tua du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Lương Văn Hoan	Phó Giám đốc
Ông Vương Trọng Khánh	Giám đốc
Ông Lê Sơn Đông	Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2021

TM Ban Giám đốc

Chủ tịch



Nguyễn Thanh Tùng

Số: 10/2021/BCTC-PNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Xây số Kiến thiết Tuyên Quang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xây số Kiến thiết Tuyên Quang được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 từ trang 6 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

9 - C.1
TY
LIU HAN
JOC TE
TP. HA

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xô số Kiến thiết Tuyên Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT

Phó Giám đốc



Nguyễn Ngọc Dũng

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2000-2018-136-1*

Kiểm toán viên

Đặng Hải Hà

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2558-2018-136-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.398.101.809	16.219.758.465
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.491.304.034	2.441.310.697
1. Tiền	111	V.01	2.491.304.034	2.441.310.697
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.698.875.910	12.342.162.604
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	10.698.875.910	12.342.162.604
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		347.578.317	1.145.669.609
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	104.912.740	85.641.660
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	242.665.577	1.060.027.949
IV- Hàng tồn kho	140		171.525.720	126.777.620
1. Hàng tồn kho	141	V.05	171.525.720	126.777.620
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		688.817.828	163.837.935
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09b	688.817.828	163.837.935
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.087.743.832	9.898.430.638
II- Tài sản cố định	220		8.917.124.187	9.268.546.417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	8.732.179.744	8.982.935.306
- Nguyên giá	222		10.873.338.863	11.144.940.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.141.159.119)	(2.162.005.457)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	184.944.443	285.611.111
- Nguyên giá	228		494.000.000	494.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(309.055.557)	(208.388.889)
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		815.322.000	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		815.322.000	
V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		81.772.282	81.772.282
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02b	81.772.282	81.772.282
VI- Tài sản dài hạn khác	260		1.273.525.363	548.111.939
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.273.525.363	548.111.939
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.485.845.641	26.118.189.103



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG


Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		14.131.182.126	15.181.161.669
I- Nợ ngắn hạn	310		13.465.182.126	14.531.661.669
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		409.269.691	581.388.231
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.236.835.849	1.613.302.697
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09a	1.423.104.644	2.723.396.600
4. Phải trả người lao động	314		950.632.217	671.318.375
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10a	1.160.065.219	1.002.599.784
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	7.373.357.169	6.943.689.634
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		911.917.337	995.966.348
II- Nợ dài hạn	330		666.000.000	649.500.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.10b	666.000.000	649.500.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.354.663.515	10.937.027.434
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.12	11.354.663.515	10.937.027.434
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		9.000.000.000	9.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.354.663.515	1.937.027.434
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		25.485.845.641	26.118.189.103

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu


Nga Lê Nga

Kế toán trưởng



Lê Sơn Đông

Giám đốc



Vương Trọng Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.01	71.031.045.913	81.278.628.222
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		71.020.063.641	81.262.036.368
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		6.176.090.908	6.423.136.366
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2			
1.1.3. Xổ số bốc	01.1.3		1.314.940.912	658.477.273
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		45.378.304.542	52.861.350.001
1.1.5. Xổ số cặp	01.1.5		18.150.727.279	21.319.072.728
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		10.982.272	16.591.854
Các khoản giảm trừ	02	VI.02	9.263.486.561	10.599.396.047
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		9.263.486.561	10.599.396.047
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		805.577.074	837.800.395
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2			
2.1.3. Xổ số bốc	02.1.3		171.514.032	85.888.340
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		5.918.909.288	6.894.958.696
2.1.5. Xổ số cặp	02.1.5		2.367.486.167	2.780.748.617
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2			
Doanh thu thuần (10=01-02)	10	VI.03	61.767.559.352	70.679.232.175
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		61.756.577.080	70.662.640.321
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		5.370.513.834	5.585.335.971
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2			
3.1.3. Xổ số bốc	10.1.3		1.143.426.880	572.588.933
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		39.459.395.254	45.966.391.305
3.1.5. Xổ số điện cặp	10.1.5		15.783.241.112	18.538.324.111
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		10.982.272	16.591.854
4. Chi phí kinh doanh	11	VI.04	49.346.300.990	57.120.366.995
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		49.346.300.990	57.120.366.995
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		40.552.606.461	47.197.857.304
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		8.793.694.529	9.922.509.691
4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2			
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		12.421.258.362	13.558.865.180
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		12.410.276.090	13.542.273.326
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		10.982.272	16.591.854

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG


Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

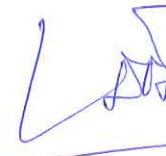
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	725.781.892	707.947.711
7. Chi phí tài chính	22			
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.08a		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08b	11.316.615.607	10.054.558.680
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.830.424.647	4.212.254.211
11. Thu nhập khác	31	VI.06	60.272.818	2.722.727
12. Chi phí khác	32	VI.07	4.611.584	11.579.919
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		55.661.234	(8.857.192)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.886.085.881	4.203.397.019
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	271.053.137	842.995.387
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.615.032.744	3.360.401.632

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu


 Nguyễn Lê Mỹ

Kế toán trưởng



Lê Sơn Đông

Giám đốc




Vương Trọng Khánh


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		77.425.331.870	89.586.454.223
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.384.981.140)	(1.413.719.466)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.614.599.587)	(4.860.574.552)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(409.339.427)	(737.219.903)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.563.441.944	381.827.794
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(72.727.134.957)	(81.491.314.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.852.718.703	1.465.453.846
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(918.012.000)	(1.970.869.477)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		32.954.545	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.279.166.324)	(2.385.709.140)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		635.879.630	3.001.041.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		725.618.783	707.947.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.802.725.366)	(647.589.906)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		49.993.337	817.863.940
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.441.310.697	1.623.446.757
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.491.304.034	2.441.310.697

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu


 Ma Thi Ngoc

Kế toán trưởng



Lê Sơn Đông

Giám đốc



Vương Trọng Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang là doanh nghiệp TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyền Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15/04/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyền Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/09/2019.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: : Kinh doanh các loại hình xổ số.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200 (chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Tổ chức tua du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo số lượng và giá trị vé xuất cho khách hàng (đại lý).

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém, mất phẩm chất là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

1021
CÔNG
CHÍNH
M T O
P
V G M

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao TSCĐ được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc:	05 - 10	năm
- Máy móc, thiết bị:	05 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	06 - 10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý:	03 - 05	năm
- Phần mềm Xổ số lô tô:	03	năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh trên một năm tài chính;
- Chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp tỷ lệ trên tổng số dư chi phí trả trước dài hạn. Số liệu chi tiết thể hiện trên thuyết minh V.8b "Chi phí trả trước dài hạn" phần thuyết minh bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

Thời gian phân bổ được ước tính từ 1 đến 2 năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo giá trị hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách xác định theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016, còn quỹ tiền lương của người lao động được xác định theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nhận ký quỹ, ký cược

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được ghi nhận trên cơ sở số tiền đặt cọc thực tế của các đơn vị, cá nhân bên ngoài với thời hạn từ một năm trở lên để đảm bảo cho các dịch vụ liên quan đến sản xuất, kinh doanh được thực hiện đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: (nhận tiền ký cược, ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng đại lý xổ số).

Mức đặt cọc đại lý xổ số năm 2020 đơn vị đang áp dụng 1.500.000 VND/đại lý.

Tổng số đại lý xổ số đang thực hiện dịch vụ là 489 đại lý.

10. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng rủi ro trả thưởng

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch.

Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó (đối với hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp ghi vào TK 711 “Thu nhập khác”).

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập năm nay.

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, lợi nhuận còn lại được phân phối theo hướng dẫn tại Điều 31, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

99-0
TY
ƯU
ƯỚC
TP.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Các khoản giảm trừ này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Công ty ghi nhận vào giá vốn hàng bán (nếu có):

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh bao gồm chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số.

Các khoản chi phí kinh doanh được ghi nhận là số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng và các loại chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành xổ số trong kỳ hạch toán.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí nhân viên, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; Khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm, ...); Chi phí bằng tiền khác (chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, ...).

20. Các nghĩa vụ về thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế, phí khác, doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp (kể cả Công ty mẹ, Công ty con, các Công ty con cùng tập đoàn, Công ty liên kết), các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUẢNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	567.147.680	1.329.308.467
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.924.156.354	1.112.002.230
Tiền đang chuyển		
Cộng	2.491.304.034	2.441.310.697

02. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>a1) Ngắn hạn</i>	<i>10.698.875.910</i>	<i>10.698.875.910</i>	<i>12.342.162.604</i>	<i>12.342.162.604</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.698.875.910	10.698.875.910	12.342.162.604	12.342.162.604
<i>a2) Dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Cộng	10.698.875.910	10.698.875.910	12.342.162.604	12.342.162.604

03. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>104.912.740</i>	<i>85.641.660</i>
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
- Các đối tượng khác	104.912.740	85.641.660
Cộng	104.912.740	85.641.660

04. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>242.665.577</i>		<i>1.060.027.949</i>	
- Tạm ứng	234.225.000		1.036.355.000	
- Phải thu khác	8.033.883		23.672.949	
<i>b) Dài hạn</i>				
- Ký cược, ký quỹ				
Cộng	242.665.577		1.060.027.949	

05. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vé xổ số:	171.525.720		126.777.620	
+ Vé xổ số truyền thống	13.416.000		13.864.870	
+ Vé xổ số bốc	36.300.000		41.500.000	
+ Vé xổ số lô tô	100.400.990		42.756.150	
+ Vé xổ số điện toán				
+ Vé xổ số lô tô cặp	21.408.730		28.656.600	
Cộng	171.525.720		126.777.620	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Tài sản cố định hữu hình

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	9.485.393.075	283.995.000	1.047.355.536	205.880.952	122.316.200	11.144.940.763
Mua trong năm				102.690.000		102.690.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành						
Tặng khác						
Chuyển sang BĐS đầu tư						
Thanh lý, nhượng bán			(374.291.900)			(374.291.900)
Giảm khác						
Số dư cuối năm	9.485.393.075	283.995.000	673.063.636	308.570.952	122.316.200	10.873.338.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	(649.291.443)	(224.427.993)	(1.047.355.536)	(205.880.952)	(35.049.533)	(2.162.005.457)
Khấu hao trong năm	(316.179.768)	(19.599.996)		(8.865.802)	(8.799.996)	(353.445.562)
Tặng khác						
Chuyển sang BĐS đầu tư						
Thanh lý, nhượng bán			374.291.900			374.291.900
Giảm khác						
Số dư cuối năm	(965.471.211)	(244.027.989)	(673.063.636)	(214.746.754)	(43.849.529)	(2.141.159.119)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	8.836.101.632	59.567.007			87.266.667	8.982.935.306
Tại ngày cuối năm	8.519.921.864	39.967.011		93.824.198	78.466.671	8.732.179.744

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.099.255.788

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm Xổ số lô tô	Cộng
Số dư đầu năm	494.000.000	494.000.000
Mua trong năm		
Số dư cuối năm	494.000.000	494.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	(208.388.889)	(208.388.889)
Khấu hao trong năm	(100.666.668)	(100.666.668)
Số dư cuối năm	(309.055.557)	(309.055.557)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	285.611.111	285.611.111
Tại ngày cuối năm	184.944.443	184.944.443

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

08. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>		
<i>b) Dài hạn</i>	1.273.525.363	548.111.939
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.273.525.363	548.111.939
Cộng	1.273.525.363	548.111.939

09. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	673.807.075	7.106.672.268	7.169.064.812	611.414.531
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	673.807.075	7.106.672.268	7.169.064.812	611.414.531
Thuế tiêu thụ đặc biệt	901.537.945	9.263.486.561	9.358.909.684	806.114.822
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.339.427	228.764.307	278.103.734	
Thuế thu nhập cá nhân	10.049.434	465.924.346	470.398.489	5.575.291
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		178.752.000	178.752.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.088.662.719	8.922.993	1.097.585.712	
Cộng	2.723.396.600	17.252.522.475	18.552.814.431	1.423.104.644
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
<i>b) Phải thu</i>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp			131.235.693	131.235.693
Thuế thu nhập cá nhân	163.837.935		245.186.056	409.023.991
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			148.558.144	148.558.144
Cộng	163.837.935		376.421.749	688.817.828

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***10. Phải trả khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	5.671.134	14.444.841
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.004.091.823	988.154.943
- Cục thuế tỉnh Tuyên quang	150.018.074	150.018.074
- Hoàng Thị Ngân	197.766.500	198.566.000
- Phùng Đức Hậu	111.529.350	93.009.600
- Tạ Thu Hiền	88.428.000	93.554.000
- Đối tượng khác	456.349.899	399.904.578
Cộng	<u>1.160.065.219</u>	<u>1.002.599.784</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	666.000.000	649.500.000
Cộng	<u>666.000.000</u>	<u>649.500.000</u>

11. Dự phòng phải trả

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
Dự phòng rủi ro trả thưởng	7.373.357.169	6.943.689.634
Cộng	<u>7.373.357.169</u>	<u>6.943.689.634</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SÓ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số dư đầu năm trước	9.000.000.000	928.906.944		9.928.906.944
Lãi trong năm trước			3.360.401.632	3.360.401.632
Trích lập các quỹ		1.008.120.490	(3.360.401.632)	(2.352.281.142)
Giảm khác (*)				-
Số dư đầu năm nay	9.000.000.000	1.937.027.434		10.937.027.434
Lãi trong năm nay			1.615.032.744	1.615.032.744
Trích lập các quỹ (**)		468.359.496	(1.615.032.744)	(1.146.673.248)
Giảm khác		(50.723.415)		(50.723.415)
Số dư cuối năm nay	9.000.000.000	2.354.663.515		11.354.663.515

(*) Giảm quỹ do thực hiện Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 về việc hướng dẫn thu, nộp và quản lý lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

(**) Trích lập các quỹ thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ: 1.615.032.744

+ Trích 20% lợi nhuận được phân phối vào quỹ đầu tư phát triển:	468.359.496
+ Trích quỹ khen thưởng:	836.378.300
+ Trích quỹ phúc lợi:	300.719.272
+ Chuyển sang phải nộp NSNN:	9.575.676

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	9.000.000.000	9.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng	9.000.000.000	9.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	9.000.000.000	9.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	9.000.000.000	9.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia, phân phối	1.615.032.744	3.360.401.632

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh Xổ số	71.020.063.641	81.262.036.368
+ Xổ số truyền thống	6.176.090.908	6.423.136.366
+ Xổ số cào		
+ Xổ số bóc	1.314.940.912	658.477.273
+ Xổ số lô tô	45.378.304.542	52.861.350.001
+ Xổ số cặp	18.150.727.279	21.319.072.728
Doanh thu kinh doanh khác	10.982.272	16.591.854
Cộng	<u>71.031.045.913</u>	<u>81.278.628.222</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số (Thuế tiêu thụ đặc biệt)	9.263.486.561	10.599.396.047
+ Xổ số truyền thống	805.577.074	837.800.395
+ Xổ số bóc	171.514.032	85.888.340
+ Xổ số lô tô	5.918.909.288	6.894.958.696
+ Xổ số cặp	2.367.486.167	2.780.748.617
Giảm trừ doanh thu khác		
Cộng	<u>9.263.486.561</u>	<u>10.599.396.047</u>

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh Xổ số	61.756.577.080	70.662.640.321
+ Xổ số truyền thống	5.370.513.834	5.585.335.971
+ Xổ số bóc	1.143.426.880	572.588.933
+ Xổ số lô tô	39.459.395.254	45.966.391.305
+ Xổ số cặp	15.783.241.112	18.538.324.111
Doanh thu kinh doanh khác	10.982.272	16.591.854
Cộng	<u>61.767.559.352</u>	<u>70.679.232.175</u>

04. Chi phí kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh xổ số	49.346.300.990	57.120.366.995
- Chi phí trả thưởng	40.552.606.461	47.197.857.304
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	8.793.694.529	9.922.509.691
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		
Cộng	<u>49.346.300.990</u>	<u>57.120.366.995</u>

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	725.781.892	707.947.711
Cộng	<u>725.781.892</u>	<u>707.947.711</u>

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32.954.545	
Các khoản khác	27.318.273	2.722.727
Cộng	<u>60.272.818</u>	<u>2.722.727</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	4.611.584	11.579.919
Cộng	4.611.584	11.579.919

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
8.a Chi phí bán hàng		
8.b Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.480.991.940	6.443.462.440
Chi phí đồ dùng văn phòng	589.768.472	744.409.047
Chi phí khấu hao TSCĐ	454.112.230	320.880.597
Thuế, phí và lệ phí	77.569.830	69.459.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.426.267.175	1.794.507.624
Chi phí bằng tiền khác	1.287.905.960	681.839.262
Cộng	11.316.615.607	10.054.558.680

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	1.886.085.881	4.203.397.019
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	50.007.964	11.579.919
Các khoản khác	50.007.964	11.579.919
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>		
Lỗ năm trước chuyển sang (4)		
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)-(4)	1.936.093.845	4.214.976.938
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	387.218.768	842.995.387
Các khoản điều chỉnh tăng thuế TNDN năm 2016-2017		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm nay giảm 30% theo Nghị quyết số 116/2020/QH của Quốc hội ngày 19/6/2020 (8)	116.165.631	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	271.053.137	842.995.387

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh xổ số	49.346.300.990	57.120.366.995
Chi phí nhân công		
Chi phí bán hàng		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.316.615.607	10.054.558.680
Chi phí khác	4.611.584	11.579.919
Cộng	60.667.528.181	67.186.505.594

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***VII. Những thông tin khác****1. Thông tin với các bên liên quan***Thu nhập đã chi trả trong năm*

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ban Giám đốc và kế toán trưởng		890.255.032	1.140.793.824
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch	347.146.862	387.000.000
Ông Lương Văn Hoan	Phó Giám đốc	86.481.554	324.000.000
Ông Vương Trọng Khánh	Giám đốc	276.559.424	324.000.000
Ông Lê Sơn Đông	Kế toán trưởng	180.067.192	105.793.824
Ban kiểm soát		48.600.000	48.600.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kiểm soát viên	48.600.000	48.600.000
Cộng		938.855.032	1.189.393.824

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT và điều chỉnh theo kết quả kiểm tra bởi Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang; Quyết định 614 ngày 30/05/2020 phê duyệt quỹ lương bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Biên bản ngày 15/05/2020 của Sở Tài chính về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của người lao động.

Theo đó, một số số liệu đã thay đổi so với số liệu ngày 31/12/2019 tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, cụ thể như sau:

	Số liệu sau thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền và trình bày lại tại 31/12/2019	Số liệu đã kiểm toán và trình bày tại 31/12/2019
Bảng cân đối kế toán		
Tiền mặt	1.366.308.467	1.329.308.467
Phải thu ngắn hạn khác	3.025.374	24.329.122
Vé xổ số	123.681.020	126.681.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.050.596	49.320.107
Thuế thu nhập cá nhân	319.753.049	148.147.039
Các loại thuế khác	936.312.349	1.088.585.439
Phải trả người lao động	881.592.755	676.023.233
Phải trả ngắn hạn khác	4.225.787	8.930.645
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.064.884.805	995.966.348
Quỹ đầu tư phát triển	1.886.304.019	1.937.027.434
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	9.925.509.691	9.922.509.691
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.262.906.239	10.054.558.680
Chi phí thuế TNDN hiện hành	800.725.876	842.995.387
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.191.323.584	3.360.401.632


Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu



Mua Cè Mua

Kế toán trưởng



Lê Sơn Đông

Giám đốc



Vương Trọng Khánh